

**ĐIỂM NÀY CÓ G? SAI SÓT TH? LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI R? C Ụ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PH?NG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

**BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ T16XDD

**TÊN HỌC PHẦN: ĐỒ ÁN KẾT CẤU BÊ TÔNG CỐT THÉP HỌC KỲ
M? H ỌC PHẦN : CIE - 377**

3

TÍN CHỈ

1

Ngày thi: 26/11/2011

LẦN THI

1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15		30						55	100			
1	152210186	ĐOÀN VIẾT	VƯƠNG	T16XDD1	0		0						V	0.0	Khăng		
2	168211980	TRẦN TẤN	ANH	T16XDD1	8		9						V	0.0	Khăng		
3	168211983	HOÀNG THÁI	B?NH	T16XDD1	0		0						V	0.0	Khăng		
4	168211984	NGUYỄN TẤT	CÂN	T16XDD1	8		8						7	7.5	Bay phay Nam		
5	168211985	HUỖNH NG ỌC	CHÍ	T16XDD1	10		8.5						5	6.8	Sau phay Tam		
6	168211986	NGUYỄN CHÍ	CÔNG	T16XDD1	7		8						6	6.8	Sau phay Tam		
7	168211987	PHẠM NG ỌC	CÔNG	T16XDD1	0		0						HP	0.0	Khăng		
8	168211989	NGUYỄN CAO	CUÔNG	T16XDD1	10		10						7	8.4	Tam phay Ba		
9	168211990	NGUYỄN VĂN	DUNG	T16XDD1	10		9						6	7.5	Bay phay Nam		
10	168211993	PHẠM VIẾT	HẢI	T16XDD1	0		0						HP	0.0	Khăng		
11	168211994	ĐOÀN CÔNG	HẢI	T16XDD1	8		7						3	0.0	Khăng		
12	168211995	TRẦN VĂN	HẢI	T16XDD1	10		10						8	8.9	Tam phay Chen		
13	168211996	NGUYỄN THỊ LỆ	H ẶNG	T16XDD1	10		10						8	8.9	Tam phay Chen		
14	168211998	PHẠM VĂN	H ẶNG	T16XDD1	0		0						V	0.0	Khăng		
15	168212000	NGUYỄN NG ỌC	HI ỂU	T16XDD1	8		6.5						3	0.0	Khăng		
16	168212001	TRẦN XU ẬN	HI ỂU	T16XDD1	10		10						8	8.9	Tam phay Chen		
17	168212002	B ỒI THANH	H?A	T16XDD1	10		10						8	8.9	Tam phay Chen		
18	168212003	NGUYỄN VĂN	H?A	T16XDD1	8		6.5						7	7.0	Bay		
19	168212006	NGUYỄN QUỐC	HUY	T16XDD1	10		8						6	7.2	Bay phay Hai		
20	168212007	NGUYỄN	K Ế	T16XDD1	10		9						8	8.6	Tam phay Sau		
21	168212008	TRẦN THANH	KH ẶNG	T16XDD1	8		8						5	6.4	Sau phay Ba		
22	168212010	TR ỜNG QUỐC	KH ẶNG	T16XDD1	8		8						7	7.5	Bay phay Nam		
23	168212011	ĐINH VĂN	KHOA	T16XDD1	10		9						6	7.5	Bay phay Nam		
24	168212012	NGUYỄN L ỮU Đ?NH	KỶ	T16XDD1	10		9						5	7.0	Bay		
25	168212013	HỒ Đ ẶC	LINH	T16XDD1	10		7						8.5	8.3	Tam phay Ba		
26	168212014	NGUYỄN T ẬN	L ỰC	T16XDD1	8		6						3	0.0	Khăng		
27	168212015	B ỒI VĂN	MINH	T16XDD1	10		7						6	6.9	Sau phay Chen		
28	168212016	L Ữ TR ỌNG	MINH	T16XDD1	10		9						7.5	8.3	Tam phay Ba		
29	168212017	PH ẶM THANH	M ỜI	T16XDD1	8		7						4.5	5.8	Nam phay Tam		
30	168212020	D ỜNG H ỌNG	NAM	T16XDD1	10		9						8	8.6	Tam phay Sau		
31	168212022	NGUYỄN S Ỹ	NGUYỄN	T16XDD1	10		8						5.5	6.9	Sau phay Chen		
32	168212025	Đ ẶNG VĂN	NH ẬN	T16XDD1	2		2						HP	0.0	Khăng		
33	168212051	L Ề THANH	TR ỌNG	T16XDD1	10		7						6	6.9	Sau phay Chen		
34	168222065	Đ ẶNG QUỐC	B ẶO	T16XDD1	10		7						5	6.4	Sau phay Ba		
35	168222077	B ỒI NGUYỄN H ỌNG	H ẶI	T16XDD1	2		2						HP	0.0	Khăng		
36	168222091	B ỒI NGUYỄN H ỌNG	LINH	T16XDD1	8		7						6	6.6	Sau phay Sau		
37	152210247	Đ ẶNG S Ỉ	TR ỌNG	T16XDD1	0		0						V	0.0	Khăng		
38	168211999	NGUYỄN VĂN	HI ỂN	T16XDD2	8		6						7	6.9	Sau phay Chen		
39	168212009	NGUYỄN VĂN	KHANH	T16XDD2	10		7						3	0.0	Khăng		
40	168212021	NGUYỄN PH ỜNG	NAM	T16XDD2	10		8.5						8	8.5	Tam phay Nam		

Ngày thi: 26/11/2011

TÍN CHỈ
LẦN THI

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15		30							55	100		
41	168212023	PHAN Đ?NH	NHÂN	T16XDD2	10		7							7	7.5	Bá? phá? Nám	
42	168212026	NGÔ CÔNG	PHI	T16XDD2	10		10							8	8.9	Tám phá? Chén	
43	168212027	LÊ MINH	PHÚ	T16XDD2	10		10							6	7.8	Bá? phá? Tám	
44	168212032	HUỶNH HOÀNG	QUỐC	T16XDD2	10		7.5							7	7.6	Bá? phá? Sáu	
45	168212033	V? MINH	QUỐC	T16XDD2	10		10							6	7.8	Bá? phá? Tám	
46	168212034	HÀ TÂN	QUỐC	T16XDD2	0		0						V	0.0	Kháng		
47	168212036	TRƯỜNG NGUYỄN	SA	T16XDD2	10		9						8.5	8.9	Tám phá? Chén		
48	168212037	ĐẶNG VĂN	SĨ	T16XDD2	10		8							6	7.2	Bá? phá? Hai	
49	168212038	NGUYỄN MINH	TÂM	T16XDD2	10		9						7.5	8.3	Tám phá? Ba		
50	168212041	ĐÌNH QUANG	THANH	T16XDD2	10		8						6.5	7.5	Bá? phá? Nám		
51	168212042	PHẠM TRUNG	THÀNH	T16XDD2	10		8						7.5	8.0	Tám		
52	168212043	TRẦN TÀI	THÀNH	T16XDD2	0		0						V	0.0	Kháng		
53	168212044	ĐẶNG TRUNG	THÀNH	T16XDD2	4		3						6	4.8	Bá? phá? Tám		
54	168212045	LÊ PHỈ	THẠNH	T16XDD2	10		8						3	0.0	Kháng		
55	168212050	NGUYỄN CÔNG	TRÔI	T16XDD2	6		3						6	5.1	Nám phá? Máu		
56	168212052	NGUYỄN THANH	TRUNG	T16XDD2	2		1						V	0.0	Kháng		
57	168212053	PHẠM MINH	TUẤN	T16XDD2	10		8						3	0.0	Kháng		
58	168212054	VĂN Đ?NH	TUẤN	T16XDD2	6		4						7	6.0	Sáu		
59	168212055	NGUYỄN XUÂN	TY	T16XDD2	10		8						5	6.7	Sáu phá? Bá?		
60	168212057	NGUYỄN ĐỨC	VINH	T16XDD2	10		7						3	0.0	Kháng		
61	168212058	PHẠM	VĨNH	T16XDD2	6		5						7	6.3	Sáu phá? Ba		
62	168212060	TRẦN QUANG	VŨ	T16XDD2	10		9						3	0.0	Kháng		
63	168212061	NGUYỄN QUỐC	VƯƠNG	T16XDD2	10		10						8	8.9	Tám phá? Chén		
64	168222100	NGUYỄN THANH	NGỌC	T16XDD2	10		8						7	7.8	Bá? phá? Tám		
65	168222125	TRẦN GIANG	TUẤN	T16XDD2	10		7						6.5	7.2	Bá? phá? Hai		
66	168222129	NGUYỄN Đ?NH	VINH	T16XDD2	10		9						7	8.1	Tám phá? Máu		
1	0067	NGUYỄN HÙNG	CƯỜNG	D15XDC	6		6						6.5	6.3	Sáu phá? Ba		
2	0283	TRẦN	VŨ	D15XDC	4		0						V	0.0	Kháng		
3	0037	PHẠM NGỌC	ĐƯỜNG	D15XDD	0		0						V	0.0	Kháng		
4	0116	TRẦN TRUNG	ĐŨNG	D15XDD	0		0						V	0.0	Kháng		
5	0238	NGUYỄN VĂN	KHOA	K11XD	8		6.5						5	6.0	Sáu		
6	4435	TRẦN VIỆT	ĐŨNG	K13XDD	0		0						V	0.0	Kháng		
7	0251	NGUYỄN QUỐC	THÁI	T14XDD	7		5						6	5.9	Nám phá? Chén		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	49	67%	
2	Số sinh viên nợ	24	33%	
TỔNG CỘNG :		73	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(k? và ghi r? họ tên)

L?NH ĐẠO KHOA
(k? và ghi r? họ tên)

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 12 năm 2011
PH?NG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(k? và ghi r? họ tên)

Ngày thi: 26/11/2011

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15		30							55	100		

Nguyễn Kim Đức

Trần Quốc Bảo

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Hữu Phú